

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Tinh.
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về “L hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXX-ST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn M, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn TH, xã TA, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T trình bày tại đơn khởi kiện ngày 16/5/2017, bản tự khai ngày 23/5/2017 và tại phiên tòa như sau: Chị và anh Nguyễn Xuân L tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 03/3/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị T ở xã AP, thành phố P. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không phù hợp quan điểm sống, anh L không lo làm ăn mà hay cờ bạc, rượu chè rồi về đánh đập vợ con nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã to tiếng với nhau.

Cha mẹ chị cũng đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh L không nghe. Vào tháng 5/2016 vợ chồng cãi nhau, anh L đã bỏ về Đ sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó. Thời gian qua chị T đã suy nghĩ kỹ và xét thấy cuộc sống của vợ chồng thực sự không có tiếng nói chung, không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Xuân L được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Linh N, sinh ngày 08/4/2014, hiện nay đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con vì con còn nhỏ, từ trước tới nay sống gần gũi, tình cảm với mẹ hơn. Chị T có đủ khả năng và điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân L trình bày tại bản tự khai ngày 07/6/2016: Anh và chị Nguyễn Thị Bích T đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn với gia đình phía vợ, anh L bỏ về Đ sống, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ với nhau từ đó. Hôm nay vợ anh có nguyện vọng ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn yêu thương vợ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Linh N, sinh ngày 08/4/2014, hiện nay đang sống với chị T. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh L là được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Anh L không đồng ý giao con cho chị T nuôi vì chị T không chăm sóc con kỹ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Xuân L nhưng anh L không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa đồng thời cũng không cung cấp chứng cứ gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân L.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Linh N, sinh ngày 08/4/2014 khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn đối với bị đơn Nguyễn Xuân L, trú tại thôn Tân Hiệp, xã Tân An, huyện Đak Pơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh L không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án áp dụng các quy định tại khoản 3 Điều 173; Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Xuân L, giấy chứng nhận kết hôn và các tài liệu chứng cứ khác đủ cơ sở kết luận: Chị T và anh L đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của chị T và anh L là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T: Chị T cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên vợ chồng không có tiếng nói chung, thậm chí anh L và gia đình chị có mâu thuẫn với nhau nên vợ chồng có lời qua tiếng lại, anh L về nhà cha mẹ đẻ ở Đ sống từ tháng 5 năm 2016. Trên cơ sở trình bày của đương sự, xét thấy nội dung đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của anh chị Nguyễn Thị Bích T được Ủy ban nhân dân xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai xác nhận ngày 13/7/2017 là phù hợp với lời khai của chị T. Trong quá trình Tòa án giải quyết anh L không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T, xử cho chị T được ly hôn với anh L.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Xuân L có một con chung là cháu Nguyễn Linh N, sinh ngày 08/4/2014, đang sống với chị T. Xét yêu cầu của chị T là được tiếp tục nuôi con cho đến lúc trưởng thành: Hội đồng xét xử xét thấy anh L xin nuôi con nhưng anh L không có công việc ổn định, từ trước đến nay không có trách nhiệm với con. Từ lúc anh L bỏ đi chị T

đã trực tiếp nuôi con, chị T có đủ điều kiện chăm sóc, đảm bảo để con phát triển mọi mặt nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cho chị T nuôi con là phù hợp.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T. Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Linh N, sinh ngày 08/4/2014 khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Nguyễn Thị Bích T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004118 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Pơ. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/9/2017) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã CA, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Yến Ngọc